

SHARP

CÔNG TY TNHH NHẬT NAM

NHÀ PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM MÁY VĂN PHÒNG SHARP TẠI VIỆT NAM

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT VÀ SỬ DỤNG
MÁY FAX SHARP FO-70/71/77/785**



TRUNG TÂM BẢO HÀNH SẢN PHẨM SHARP

SỐ 5 CỔNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW - THANH XUÂN - HÀ NỘI

ĐT: 04.35523359 – 04 33542076 FAX: 04.35520134

Hotline: 093 666 3232

I. CÀI TIÊU ĐỀ, TÊN, SỐ FAX. (Được in trên đầu mỗi trang Fax gửi đi)

Bước 1. ấn nút "Function" + "3" : Màn hình xuất hiện "entry mode"

Bước 2. ấn 2 lần nút "*" : xuất hiện "own number set"

Bước 3. ấn nút "START"

Bước 4. Vào số Fax (nhiều nhất là 20 số) bằng cách ấn các số trên bàn phím.

Muốn chèn khoảng cách giữa 2 số, ấn nút "#". Muốn chèn 1 dấu "+" ấn nút "*" .

Bước 5. ấn nút "Start"

Bước 6. Vào tên, tiêu đề: ấn các nút số liên tục cho đến khi đúng chữ mình cần hiện trên màn hình (nhiều nhất là 24 ký tự) (xem trang 5)

Bước 7. ấn nút "Start - Stop".

Chú ý:

Nút số "1" : Dừng để cách chữ

Nút số "2" : Dừng để xoá chữ hoặc xoá ký tự

Nút "Redial" : ấn nút này 1 lần để chuyển dịch vị trí con trỏ, ấn 2 lần để trở lại vị trí ban đầu.

Nút "Hold/Search" : Rời con trỏ về bên trái

Nút "Speaker" : Rời con trỏ về bên phải.

- Khi muốn vào 2 chữ cùng 1 nút, ấn nút "Speaker" một lần sau khi vào chữ đầu rồi đến chữ tiếp theo.

- Muốn chuyển 1 chữ thành chữ khác, dịch con trỏ tới chữ đó rồi vào chữ thay thế.

- Muốn nhập các ký hiệu đặc biệt thì ấn nút "#" hoặc "*" .

II. VÀO NGÀY, GIỜ

Bước 1. ấn nút " Function" + "3" :Màn hình xuất hiện "entry mode"

Bước 2. ấn 2 lần "*" : Xuất hiện "Date and time set"

Bước 3. ấn "Start"

Bước 4. Vào 2 số cho ngày(từ 01 đến 31)

Bước 5. Vào 2 số cho tháng(từ 01 tới 12)

Bước 6. Vào 2 số cho năm(VD:96,97)

Bước 7. Vào 2 số cho giờ (từ 00 đến 23)

Vào 2 số cho phút (từ 00 đến 59)

Bước 8. ấn "Start" + "Stop" : Để ghi nhớ

III. CHẾ ĐỘ NHẬN ĐIỆN VÀ FAX

ấn nút "Reception mode":

- Chọn ANS: ấn nút này cho đến khi "General ogm play" xuất hiện trên màn hình.(Chế độ này dùng ghi âm khi đi vắng để trả lời các cuộc gọi. Lời nhắn sẽ được ghi lại và Fax sẽ nhận tự động).
- Chọn TEL: ấn nút "Reception mode" đến khi "TEL" xuất hiện trên màn hình.(Chế độ này dùng khi muốn nhận trả lời điện và nhận Fax trên cùng 1 đường dây có nối thêm máy phụ).
- Chọn FAX: ấn "Reception mode" đến khi "FAX" xuất hiện trên màn hình.(Chế độ này dùng cho việc nhận Fax tự động và tự động trả lời các cuộc gọi).

V. NHẬP SỐ GỌI TỰ ĐỘNG

Bước 1. ấn nút "function" +"3"+"#" : Màn hình xuất hiện " FAX/TEL# MODE".

Bước 2. ấn nút "1", màn hình xuất hiện"SET".

Bước 3. Vào 2 số(từ 01 đến 50) trên bảng số gọi nhanh.

Bước 4. Vào số FAX hoặc số điện thoại(nhiều nhất được 32 ký tự).

Bước 5. ấn nút "START"

Bước 6. Vào tên cho mỗi số điện .

Bước 7. ấn nút "STOP" hoặc quay lại bước 3 để ghi tiếp số khác.Nếu số máy được dùng để quay số nhanh có thể viết tên lên nhãn phía ngoài của bảng số gọi nhanh.

@Xoá:

Bước 1. ấn nút " Function" +"3" +"#".

Bước 2. ấn nút số 2, màn hình hiện "CLEAR".

Bước 3. ấn các nút trên bảng phím để vào số muốn xoá(từ 01 đến 50)

Bước 4. ấn "Start"

Bước 5. ấn nút "STOP" hoặc quay lại bước 3 để xoá tiếp các số điện khác.

VI. CHUYỂN FAX

Lắp văn bản cần gửi vào máy sau đó sử dụng một trong các cách sau:

@ Quay số thông thường

Bước 1. Nhấc HANDSET hoặc ấn nút "SPEAKER".

Bước 2. Quay số

Bước 3. Đợi nối máy. Khi máy trả lời, yêu cầu ấn nút "START".

Bước 4. Khi nghe tín hiệu nhận FAX, ấn "START/MEMO", trả HANDSET về vị trí cũ. Khi FAX đã được gửi đi, tín hiệu FAX sẽ kêu.

@ Quay số trực tiếp (không cần nhấc HANDSET hoặc ấn nút "SPEAKER")

:

Bước 1. Vào số Fax bằng cách ấn các phím số. Nếu thấy đúng số thì sang bước 2. nếu sai thì ấn "STOP" và nhập lại số.

Bước 2. ấn "START".

@ Quay số nhanh bằng cách sử dụng bảng phím nhanh:

ấn các phím trên bảng phím nhanh. Tên người nhận sẽ hiện trên màn hình. Nếu tên chưa được ghi nhớ, số Fax sẽ xuất hiện (Nếu tên hoặc số Fax không chính xác, ấn nút "STOP" sau đó làm lại từ đầu). Văn bản sẽ tự động được chuyển đi.

@ Sử dụng các số Fax đã được đặt mã:(Các số từ 01 đến 50)

Bước 1. ấn "SPEED DIAL".

Bước 2. ấn 2 số(từ 01 đến 50). Nếu thấy đúng thì ấn "START", sai thì ấn "STOP" và lặp lại bước 1.

@ Sử dụng chế độ tìm kiếm:

Bước 1. ấn "HOLD/SEARCH".

Bước 2. ấn nút "#" hoặc nút "*" để các tên hiện lên (ấn số "0" nếu muốn hiện số Fax). Dừng lại khi thấy tên cần tìm xuất hiện.

Bước 3. ấn nút "START/MEMORY".

VII. GỌI ĐI

@ Quay số thông thường

Bước 1. Nhấc Handset hoặc ấn nút "SPEAKER".

Bước 2. Quay số.

Bước 3. Nói. (Kết thúc cuộc gọi bằng cách dập Handset hoặc ấn nút "STOP".

@ Sử dụng các số gọi nhanh đã được đặt trên bảng quay số nhanh:

Bước 1. (Chưa nhắc máy và không ấn " SPEAKER").

Sử dụng chức năng tìm kiếm (ấn "HOLD/SEARCH" và "#", "*" để hiện số cần gọi hoặc sử dụng bảng phím nhanh với các số từ 01 đến 20 hoặc ấn "SPEED DIAL" rồi vào các phím số theo các số đã được ghi nhớ từ 01 đến 50). Màn hình hiện tên hoặc số cần gọi. Nếu thấy đúng thì sang bước 2, chưa đúng thì tiếp tục tìm kiếm.

Bước 2. Nhắc máy lên (hoặc ấn nút "SPEAKER") thì toàn bộ số sẽ được tự động quay và chờ trả lời.

Các tên được đặt chương trình bằng cách nhấn các phím số. Các chữ cái đã được chỉ định trên mỗi phím số từ "2" đến "9". Muốn vào 1 chữ cái hoặc số, ấn nút tương ứng 1 hoặc nhiều lần cho đến khi chữ đó xuất hiện trên màn hình (Số sẽ xuất hiện trước, sau đó các chữ cái xuất hiện lần lượt theo thứ tự được viết phía trên phím số). Các phím sử dụng cho việc vào các chữ cái và chức năng được trình bày dưới đây.

| | |
|---|--|
| <p>Cách chữ Nhấn nút này 2 lần để cách chữ</p> | <p>Chữ cái và số Để vào 1 chữ cái hoặc số, ấn nút tương ứng liên tiếp cho đến khi số hoặc chữ mong muốn xuất hiện trên màn hình</p> |
| | <p>Xoá Nhấn nút này để xoá chữ bằng con trỏ(Nếu con trỏ dịch sang phải của chữ vào cuối cùng, chữ này sẽ bị xoá đi).</p> |
| | <p>Chuyển chế độ chữ Nhấn nút này 1 lần để chuyển sang chữ hoa(nhấn tiếp lần nữa để quay lại chữ thường).</p> |
| | <p>Chuyển con trỏ sang trái Dùng nút này để dịch con trỏ sang trái.</p> |
| <p>Các biểu tượng ấn 1 trong 2 nút này liên tiếp cho</p> | <p>Dịch chuyển con trỏ sang phải Dùng nút này để dịch con trỏ sang phải</p> |

| | |
|---|--|
| đến khi biểu tượng cần tìm xuất hiện trên màn hình. | |
|---|--|

◆ chú thích:

- Khi muốn vào 2 chữ cùng 1 nút, ấn nút "SPEAKER" một lần sau khi vào chữ đầu rồi đến chữ tiếp theo.

- Muốn chuyển 1 chữ thành chữ khác, dịch con trỏ tới chữ đó rồi vào chữ thay thế.

Các biểu tượng

Muốn vào 1 trong các biểu tượng dưới đây, nhấn nút "#" hoặc nút "*" liên tiếp cho đến khi biểu tượng cần tìm xuất hiện.

| | |
|--|---|
| # | Π |
| Ω | |
| ./!"#\$%&'()_+,-:;<=>?@[Ǫ] ^ _ ` □ ξ □ | |
| Π | |

Ví dụ:

Muốn vào tên 1 công ty như "ABC Co.#1".

Con trỏ trên màn hình được hiển thị dưới đây bằng 1 hình chữ nhật.

CÀI ĐẶT CÁC CHỨC NĂNG SỬ DỤNG

Các chức năng này có thể sử dụng hoặc không sử dụng. Lựa chọn các chức năng này cho phép điều chỉnh máy Fax theo nhu cầu của người sử dụng 1 cách tiện lợi nhất. Cài đặt các chức năng này bằng cách sử dụng bàn phím và theo trình tự sau:

Bước 1. Nhấn phím "FUNCTION" "4" xuất hiện "OPTION SETTING"

Bước 2. Nhấn phím "#" hoặc phím "*" để di chuyển đến chức năng cần cài đặt

Bước 3. Nhập giá trị muốn cài đặt.(Theo danh sách các chức năng lựa chọn bên dưới)

Bước 4. Nhấn phím "STOP".

các chức năng lựa chọn

Chức năng 1: FINE RESOLUTION PRIORITY

Chức năng này cho phép chọn độ phân giải mà không cần sử dụng phím RESOLUTION khi Fax 1 bản gốc đi.

Cài đặt:

"1 (YES)": Chọn độ phân giải cao. (FINE)

"1 (NO)": Chọn độ phân giải trung bình. (STANDARD)

Nhà sản xuất đặt "2".

Chức năng 2: NUMBER OF RINGS AUTO RECEPTION

Chức năng này cho phép chọn số lần chuông reo trước khi trả lời một cuộc gọi tới ở chế độ AUTO.

Cài đặt:

Từ "0" đến "9". (Nếu chọn "0" máy sẽ nhận Fax mà không reo)

Nhà sản xuất đặt "1".

Chức năng 3: NUMBER OF RINGS MANUAL RECEPTION

Chức năng này cho phép chọn số lần chuông reo trước khi máy tự động trả lời 1 cuộc gọi tới ở chế độ MANUAL.

Cài đặt:

Từ "0" đến "9". (Chọn "0" nếu không muốn máy trả lời tự động)

Nhà sản xuất đặt "0"

Chức năng 4: ACTIVITY REPORT AUTO LISTING

Cài đặt:

"1 (YES)": Máy sẽ tự động in bản báo cáo hoạt động gửi và nhận Fax sau 30 lần gửi và nhận.

"2 (NO)": Máy sẽ tắt chức năng này.

Nhà sản xuất đặt "2".

Chức năng 5: TRANSACTION REPORT PRINT SELECT

Chức năng này để cài đặt điều kiện in bản báo cáo.

Cài đặt:

"1(ALWAYS PRINTS)": Máy sẽ in báo cáo sau mỗi lần gửi, nhận Fax hoặc thao tác sai.

"2(ERR/TIMER/MEM)": Máy chỉ in báo cáo sau mỗi lần thao tác sai, sử dụng chức năng hẹn giờ hoặc sử dụng bộ nhớ.

"3(SEND ONLY)": Máy chỉ in báo cáo sau mỗi lần gửi Fax đi.

"4(NEVER PRINT)": Máy không in báo cáo trong tất cả các trường hợp.

"5(ERROR ONLY)": Máy chỉ in báo cáo sau mỗi lần thao tác sai.

Nhà sản xuất đặt "5"

Chức năng 6: RECALL TIMES

Chức năng này dùng để cài đặt số lần tối đa máy sẽ tự động gọi lại một số nếu đường dây bận.

Cài đặt:

Từ "01" đến "15".

Nhà sản xuất đặt "2".

Chức năng 7: RECALL INTERVAL

Chức năng này cho phép thay đổi thời gian nghỉ giữa 2 lần tự động gọi lại 1 số của máy khi đường dây bận.

Cài đặt:

Từ "01" đến "15".(tương ứng với từ 01 đến 15 phút)

Nhà sản xuất đặt "05".

Chức năng 8: AUTO FAX/PHONE CHANGEOVER

Cài đặt:

"1(YES)": Máy sẽ tự động phát hiện tín hiệu gọi tới là điện thoại hay Fax ở chế độ AUTO.

"2(NO)": Máy sẽ tắt chức năng này.

Nhà sản xuất đặt "2".

Chức năng 9: PSEUDO RINGING DURATION

Chức năng này để đặt thời gian tiếng chuông giả khi chức năng 8 được thực hiện.

"1" (15 SEC): 15 giây

"2" (30 SEC): 30 giây

"3" (60 SEC): 60 giây

"4" (120 SEC): 120 giây

Nhà sản xuất đặt "1"

Chức năng 10: TEL/FAX REMOTE NUMBER (TRANSFER CODE)

Chức năng này để đặt mã số cho hoạt động nhận Fax từ 1 máy điện thoại nối thêm.

Cài đặt:

Từ "0" đến "9".

Nhà sản xuất đặt "5"

Chức năng 11: REMOTE RECEPTION SELECT

Cài đặt:

"1": Máy cho phép sử dụng mã số cho hoạt động nhận Fax từ 1 máy điện thoại nối thêm.

"2": Máy sẽ tắt chức năng này.

Nhà sản xuất đặt "1".

Chức năng 12: FAX SIGNAL RECEIVE

Cài đặt :

"1": Máy sẽ tự động nhận khi có tín hiệu Fax.

"2": Khi sử dụng MODEM nối với máy vi tính.

Nhà sản xuất đặt "1".

Chức năng 13: AUTO COVER SHEET

Cài đặt :

"1(YES)": Máy sẽ tự động tạo ra 1 bản lót và chèn vào cuối tài liệu Fax đi.

"2(NO)": Máy sẽ tắt chức năng này.

Nhà sản xuất đặt "1"

Chức năng 14: COPY REDUCE

Chức năng này cho phép chọn tỷ lệ thu nhỏ mà bản copy sẽ được thu nhỏ để nội dung ở phía cạnh của bản gốc không bị cắt mất .

Cài đặt :

"1(REDUCE AUTO)": Tự động thu nhỏ theo kích cỡ bản gốc và giấy in.

"2(REDUCE 100%)": Không thu nhỏ.

"3(REDUCE 95%)": Thu nhỏ theo giấy A4.

Nhà sản xuất đặt "2".

Chức năng 15: RECEIVE REDUCE

Chức năng này cho phép chọn tỷ lệ thu nhỏ mà bản fax đi sẽ được thu nhỏ để nội dung ở phía cạnh của bản gốc không bị cắt mất.

Cài đặt :

"1(REDUCE AUTO)": Tự động thu nhỏ theo kích cỡ bản gốc và giấy in.

"2(REDUCE 100%)": Không thu nhỏ.

"3(REDUCE 95%)": Thu nhỏ theo giấy A4.

Nhà sản xuất đặt "1".

Chức năng 16: COPY CUT - OFF

Cài đặt :

"1(CONTINUE)": Khi copy, nếu bản gốc dài hơn giấy in, phần dài hơn sẽ được copy sang trang thứ hai.

"2(CUT-OFF)": Khi copy, nếu bản gốc dài hơn giấy in, phần dài hơn sẽ bị cắt.

Nhà sản xuất đặt "2".

Chức năng 17: BEEP LENGTH

Chức năng này cho phép chọn thời gian của tiếng bíp khi kết thúc một quá trình gửi, nhận fax hoặc copy.

Cài đặt :

"1"(YES): Tiếng bíp kéo dài 3 giây.

"2"(NO): Tiếng bíp kéo dài 1 giây.

"3": Không có tiếng bíp.

Nhà sản xuất đặt "1".

Chức năng 18: FOOTER PRINT

Chức năng này cho phép in số fax của máy gửi tới cùng với ngày giờ nhận fax ở phía dưới trang giấy.

Cài đặt :

"1"(YES): Máy sẽ in những thông tin trên phía dưới trang giấy.

"2"(NO): Máy sẽ tắt chức năng này.

Nhà sản xuất đặt "2".

Chức năng 19: DIAL MODE

Chức năng này cho phép chọn loại tiếng reo.

Cài đặt :

"1": Tone.

"2": Pulse.

Nhà sản xuất đặt "1".

Chức năng 20: ERROR CORRECTION MODE (ECM)

Cài đặt :

"1 (YES)": Máy sẽ tự động sửa chữa khi phát hiện một sự biến dạng nào ảnh hưởng đến truyền tải tín hiệu trước khi in bản fax. Chức năng này chỉ có tác dụng khi cũng có chức năng sửa chữa tự động tốt.

"2"(NO): Máy sẽ tắt chức năng này.

Nhà sản xuất đặt "1".

Chức năng 21: RINGING VOLUME

Chức năng này cho phép thay đổi âm lượng tiếng chuông.

Cài đặt :

"1": Tiếng chuông nhỏ.

"2": Tiếng chuông trung bình.

"3": Tiếng chuông lớn.

Nhà sản xuất đặt "2".